

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y - DƯỢC ĐÀ NẴNG



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH KỸ THUẬT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

Đà Nẵng, năm 2024

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

NGÀNH ĐẠI HỌC KỸ THUẬT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

(Ban hành theo Quyết định số/QĐ-ĐHKTYĐDN ngày tháng năm
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng)

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Giới thiệu chương trình đào tạo

CTĐT trình độ cử nhân Kỹ thuật Phục hồi chức năng được xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực lao động của xã hội theo trình độ và chuyên ngành đào tạo; đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân và đóng góp có hiệu quả cho sự nghiệp y tế và góp phần nâng cao nền y dược học Việt Nam. CTĐT đảm bảo yêu cầu về khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đơn vị phụ trách chuyên môn của CTĐT là Bộ môn Phục hồi chức năng-Vật lý trị liệu.

Từ năm 2013 – Trường chính thức trở thành Trường Đại học Kỹ thuật Y – Dược Đà Nẵng. Hiện nay Bộ môn PHCN-VLTL đã đào tạo được 2 khóa tốt nghiệp ra trường và đang đào tạo 4 khóa đại học chính quy. Từ khi bắt đầu đào tạo phục hồi chức năng bậc đại học, Bộ môn PHCN-VLTL không ngừng xây dựng và cải tiến chương trình đào tạo, nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập.

2. Thông tin chung chương trình đào tạo

1. Tên chương trình đào tạo (Name of Program)	Kỹ thuật Phục hồi chức năng (Rehabilitation Technology)
2. Trình độ đào tạo (Level)	Đại học (Undergraduate)
3. Mã ngành đào tạo (Code)	Ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng: 7720603
4. Đối tượng tuyển sinh (Enrolment)	Công dân tốt nghiệp THPT và đạt tiêu chuẩn tuyển sinh đầu vào theo quy định của Trường Đại học Kỹ thuật Y – Dược Đà Nẵng (as Enrolment criteria of school).
5. Thời gian đào tạo (Duration)	4 năm cho SV chính quy (4 years, official students) 4 năm 10 tháng cho SV vừa học vừa làm (4 years and 10 months, part-time students)
6. Cơ sở đào tạo (Institute)	Trường Đại học Kỹ thuật Y – Dược Đà Nẵng

	(Danang University of Medical Technology and Pharmacy)
7. Loại hình đào tạo (Type)	Chính quy/vừa học vừa làm (Official/Part-time)
8. Ngôn ngữ đào tạo (Language)	Tiếng Việt (Vietnamese)
9. Tổng số tín chỉ (Credits)	135 tín chỉ (credits) (không tính Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng – An ninh)
10. Chức danh khi tốt nghiệp (Degree)	Cử nhân Kỹ thuật Phục hồi chức năng (Bachelor of Rehabilitation Technology)
11. Thời điểm ban hành	2014
12. Thời điểm cải tiến, chỉnh sửa	2015, 2018, 2020, 2022, 2024

3. Mục tiêu chương trình đào tạo MtCt (Program Education Objectives-POb)

3.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Cử nhân Kỹ thuật phục hồi chức năng có ý thức và tinh thần phục vụ nhân dân, có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, kiến thức và kỹ năng thành thạo về chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành ở trình độ đại học; có lối sống tích cực, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, tự học liên tục và ứng dụng các nghiên cứu khoa học nhằm phát triển chuyên môn và năng lực tổng thể của bản thân và đồng nghiệp; đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân

3.2. Mục tiêu cụ thể

MtCt1: Ý thức tuân thủ đường lối, chủ trương của Đảng, tuân thủ pháp luật, có đạo đức tốt và trách nhiệm nghề y cao, ý nguyện hết lòng tham gia sự nghiệp chăm sóc sức khỏe nhân dân; sự trung thực, khách quan, tôn trọng đồng nghiệp, người bệnh.

MtCt2: Có khả năng và nhận thức được vai trò của kỹ thuật Phục hồi chức năng trong hợp tác làm việc liên ngành, nhu cầu sức khỏe của cộng đồng, các ưu tiên quốc gia trong lĩnh vực y tế và thể hiện hành vi chuyên nghiệp và có đạo đức nghề nghiệp phù hợp với tiêu chuẩn đạo đức của Hiệp hội ngành nghề quy định.

MtCt3: Thực hiện được kế hoạch lượng giá, tái lượng giá và lựa chọn các phương pháp can thiệp hiệu quả dựa trên những bằng chứng tốt nhất hiện có để quản lý các tình trạng sức khỏe trong ngành KT PHCN.

MtCt4: Có khả năng xác định và ứng phó với các vấn đề của thực hành nghề nghiệp thông qua tư duy logic, phân tích và phản biện; Có khả năng giao tiếp hiệu quả bằng lời nói, văn bản, có khả năng hiểu nhằm tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Kỹ thuật Phục hồi chức năng và đa ngành; thể hiện cam kết suốt đời để học tập và phát triển nghề nghiệp.

4. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (Program learning outcome - PLO)

Khi hoàn thành chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng của Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng, sinh viên tốt nghiệp có các năng lực sau (chuẩn đầu ra tích hợp và các chuẩn chi tiết theo các yêu cầu Kiến thức, Kỹ năng, Năng lực tự chủ và trách nhiệm kèm theo):

4.1. Chuẩn đầu ra

TT	CHUẨN ĐẦU RA	TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ
Chuẩn đầu ra chung của ngành Kỹ thuật phục hồi chức năng		
1	CĐR1: Hành nghề chuyên môn theo đúng đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước bao gồm các văn bản pháp luật nói chung, và các văn bản đặc thù trong lĩnh vực y tế nói riêng.	Tiêu chí 1: Hiểu được các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam để vận dụng vào công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân. Tiêu chí 2: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật Việt Nam, các văn bản qui phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực Y - Dược, giá trị và tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp vào thực hành chăm sóc. Tiêu chí 3: Thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ, quy định, đạo đức nghề nghiệp và tuân thủ pháp luật. Tiêu chí 4: Thể hiện được sự tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân; tôn trọng, đồng cảm, chia sẻ và hết lòng phục vụ người bệnh; tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.
2	CĐR2: Vận dụng được những kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, tin học, ngoại ngữ làm nền tảng trong học tập, thực hành và nghiên cứu các kiến thức thuộc chuyên ngành Phục hồi chức năng.	Tiêu chí 1: Giải thích, phân tích và sử dụng được các kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành để phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu các môn học chuyên ngành Phục hồi chức năng. Tiêu chí 2: Giải thích được các hiện tượng, quy luật về sự vận động của các chất và quá trình sinh học xảy ra trong cơ thể. Tiêu chí 3: Sử dụng được kiến thức tiếng Anh chuyên ngành để đọc tài liệu, giao tiếp và nghiên cứu chuyên môn ngành Phục hồi chức năng. Tiêu chí 4: Sử dụng được phần mềm Microsoft Excel và/hoặc SPSS trong nhập dữ liệu và xử lý

		thống kê phục vụ cho nhu cầu học tập và nghiên cứu chuyên môn ngành Phục hồi chức năng.
3	CĐR3: Thực hành nghề trong lĩnh vực PHCN theo quy định của pháp luật, giữ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, đảm bảo được bí mật thông tin và hiểu rõ về phạm vi giới hạn chuyên môn để giới thiệu người bệnh đến các đồng nghiệp khác khi không thể đáp ứng chuyên môn để điều trị.	Tiêu chí 1: Thực hành nghề theo đúng phạm vi chuyên môn cấp phép cho lĩnh vực KT PHCN và tuân thủ các quy định nghề nghiệp. Tiêu chí 2: Thực hành nghề KT PHCN phù hợp với những yêu cầu, phù hợp các yêu cầu về chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. Tiêu chí 3: Tôn trọng bí mật của người bệnh và hiểu rõ các giới hạn nghề nghiệp liên quan đến chuyên môn và việc sử dụng thông tin của người bệnh. Tiêu chí 4: Thực hiện được việc bảo vệ sự an toàn sức khỏe của cộng đồng thông qua thực hành KT PHCN dựa trên bằng chứng. Tiêu chí 5: Thể hiện được tôn trọng đồng nghiệp và những người khác. Tiêu chí 6: Phối hợp được với đồng nghiệp để đề xuất sự hỗ trợ khi vượt quá giới hạn chuyên môn sâu trong ngành KT PHCN.
4	CĐR4: Thể hiện được sự tôn trọng khác biệt về văn hóa; có khả năng lắng nghe thấu cảm với người bệnh; có khả năng hợp tác với các chuyên gia sức khỏe khác trong việc quản lý người bệnh.	Tiêu chí 1: Thể hiện được sự tôn trọng đối với các khác biệt tính đa dạng về văn hóa, niềm tin, giá trị tín ngưỡng, các đặc điểm cá nhân của người bệnh và đồng nghiệp. Tiêu chí 2: Đảm bảo được sự công bằng đối với người bệnh trong quá trình thực hành nghề. Tiêu chí 3: Thể hiện được khả năng lắng nghe tích cực, tham gia cùng với người bệnh/gia đình và các chuyên gia khác trong việc quản lý, chăm sóc người bệnh. Tiêu chí 4: Đảm bảo được việc sử dụng các phương tiện truyền thông xã hội, hình ảnh và minh họa phù hợp với các yêu cầu chuyên môn.
5	CĐR5: Thực hiện được việc giao tiếp hiệu quả bằng lời nói và bằng văn bản phù hợp với từng cá nhân để chia sẻ thông tin chính xác.	Tiêu chí 1: Thực hiện được việc giao tiếp phù hợp với người bệnh, các thành viên trong nhóm và những người có liên quan khác; tham khảo hoặc tìm kiếm sự giúp đỡ khi cần thiết; thực hiện được chính xác ghi chép kết quả lượng giá và điều trị, quản lý dựa trên bằng chứng tốt nhất. Tiêu chí 2: Thực hiện được việc thu thập, xử lý và sử dụng thông tin để lập kế hoạch, thiết lập

		mục tiêu và thực hiện việc can thiệp; khuyến khích người bệnh cùng tham gia. Tiêu chí 3: Thực hiện được các báo cáo một cách chính xác các thông tin liên quan đến người bệnh theo hướng dẫn thực hành tốt nhất và phù hợp môi trường làm việc; Tiêu chí 4: Thực hiện được việc cung cấp cho người bệnh các hướng dẫn bằng văn bản hoặc các hình thức thích hợp khác khi cần thiết.
6	CDR6: Thực hiện được việc tự đánh giá, thực hành dựa trên bằng chứng và chịu trách nhiệm trong định hướng học tập, tiếp nhận những phản hồi để cải thiện hiệu quả thực hành. Tham gia được vào các nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực PHCN để ứng dụng kết quả nghiên cứu trong quá trình hành nghề. Tham gia chia sẻ kiến thức với đồng nghiệp để tạo điều kiện cho đồng nghiệp đạt được các tiêu chuẩn thực hành tốt nhất.	Tiêu chí 1: Thực hiện được việc tìm kiếm nguồn tài liệu liên quan dựa trên bằng chứng. Tiêu chí 2: Cập nhật được kỹ năng thực hành dựa trên bằng chứng phù hợp, chủ động tham gia vào quá trình phát triển chuyên môn. Tiêu chí 3: Có khả năng tiếp nhận sự phản hồi, sự đánh giá của đồng nghiệp và thể hiện sự thay đổi phù hợp với bằng chứng tốt nhất. Tiêu chí 4: Thực hiện được việc tiếp nhận và phân tích thông tin từ các nguồn khác nhau dựa trên bằng chứng để cải thiện kỹ năng hành nghề. Tiêu chí 5: Xây dựng được kế hoạch phát triển chuyên môn cá nhân. Tiêu chí 6: Tham gia được vào quá trình nghiên cứu khoa học và ứng dụng các kết quả nghiên cứu trong thực hành nghề nghiệp. Tiêu chí 7: Tham gia chia sẻ kiến thức với đồng nghiệp để tạo điều kiện cho đồng nghiệp đạt được các tiêu chuẩn thực hành tốt nhất.
7	CDR7: Có khả năng tự quản lý bản thân để đảm bảo sức khỏe cho việc hành nghề và hỗ trợ đồng nghiệp trong các tình huống cần thiết nhằm bảo vệ sự an toàn và sức khỏe của người bệnh. Có khả năng sắp xếp tổ chức thực hiện công việc một cách hợp lý dựa trên nguồn lực có sẵn để đảm bảo an toàn và hiệu quả cho người bệnh.	Tiêu chí 1: Thực hiện được việc đảm bảo an toàn và sức khỏe cho chính mình. Tiêu chí 2: Kiểm tra được sự an toàn của môi trường và những người xung quanh khi quản lý người bệnh. Tiêu chí 3: Thực hiện được việc lập kế hoạch công việc mỗi ngày, bám sát và thực hiện đúng tiến độ của kế hoạch đã đề ra và sẵn sàng ứng phó với các tình huống phát sinh. Tiêu chí 4: Có khả năng chuẩn bị môi trường làm việc và đảm bảo khối lượng công việc phù hợp để đáp ứng kết quả mong muốn.

8	CĐR8: Có khả năng hợp tác với hiệp hội ngành nghề tại quốc gia và khu vực trong việc thúc đẩy nghề nghiệp và những lĩnh vực hành nghề mới; tuân thủ đúng các chính sách về sức khỏe, an toàn và các quy định khác của tổ chức.	Tiêu chí 1: Thực hiện được việc phối hợp với hiệp hội ngành nghề tại quốc gia và khu vực trong việc thúc đẩy nghề nghiệp và phát triển các môi trường hành nghề để cải thiện sự tiếp cận của người bệnh với dịch vụ. Tiêu chí 2: Tuân thủ đúng và nhận biết được các chính sách để giảm thiểu rủi ro, tăng cường sức khỏe và hành nghề trong sự an toàn.
Chuẩn đầu ra chuyên ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng – Vật lý trị liệu		
9	CĐR9¹ Có khả năng lượng giá, phân tích, can thiệp tình trạng liên quan đến chức năng vận động, thiết lập mục tiêu, tái lượng giá dựa trên lý luận lâm sàng và bằng chứng tốt nhất hiện có. Vận dụng được kiến thức giáo dục người bệnh, người chăm sóc, cộng đồng nhằm đạt được mục đích độc lập tối ưu.	Tiêu chí 1: Thực hiện đúng kỹ năng lượng giá, tái lượng giá phù hợp dựa trên việc sử dụng các công cụ đo lường chuẩn hóa và chưa chuẩn hóa phù hợp với bối cảnh Việt Nam. Tiêu chí 2: Có khả năng sử dụng được lý luận lâm sàng để giải thích các kết quả lượng giá và xây dựng kế hoạch can thiệp. Tiêu chí 3: Thực hiện được việc lập kế hoạch và thực hiện can thiệp Vật lý trị liệu hiệu quả ở các cơ sở y tế và tại cộng đồng. Tiêu chí 4: Có khả năng sử dụng được bằng chứng khoa học tốt nhất hiện có để hỗ trợ can thiệp. Tiêu chí 5: Thực hiện được việc lựa chọn kỹ thuật can thiệp phù hợp, hiệu quả cho các độ tuổi và các tình trạng sức khỏe. Tiêu chí 6: Đảm bảo người bệnh, gia đình người bệnh hiểu được tình trạng bệnh và các phương án điều trị để chủ động tham gia vào việc đặt ra mục tiêu trị liệu; thu hút người bệnh vào việc tự quản lý; sử dụng liệu pháp nhóm khi thích hợp. Tiêu chí 7: Thực hiện được công tác giáo dục sức khỏe, chuyển giao kiến thức kỹ năng cho người chăm sóc tham gia vào hoạt động chăm sóc sức khỏe người bệnh hiệu quả. Tiêu chí 8: Tham gia giáo dục sức khỏe cộng đồng: phát hiện sớm các khuyết tật, giáo dục sức khỏe, thúc đẩy cải thiện tiếp cận với các dịch vụ Vật lý trị liệu tại cộng đồng.

10	CDR10¹: Thực hiện được phương pháp quản lý lấy người bệnh làm trung tâm để tăng cường sự tham gia và tối ưu hóa chất lượng cuộc sống. Có khả năng hợp tác đa ngành áp dụng khung phân loại quốc tế về khuyết tật, chức năng và sức khỏe (ICF) trong các môi trường khác nhau.	Tiêu chí 1: Thực hiện được phương pháp quản lý lấy người bệnh làm trung tâm trong việc quản lý; ra quyết định chăm sóc y tế, cải thiện kết quả và sự tiếp cận của người bệnh với dịch vụ y tế. Tiêu chí 2: Thực hiện được việc phối hợp với gia đình và những thành viên khác có liên quan tham gia vào quá trình lập kế hoạch lượng giá và can thiệp. Tiêu chí 3: Thể hiện được khả năng quản lý các yếu tố tâm lý của người bệnh và gia đình trong việc lập kế hoạch và đặt mục tiêu và can thiệp Vật lý trị liệu. Tiêu chí 4: Thể hiện được cách cách tiếp cận hợp tác đa ngành với các ngành y tế khác vào việc quản lý người bệnh và đảm bảo sự tiếp cận với dịch vụ. Tiêu chí 5: Có khả năng trau dồi kiến thức về vai trò của chuyên viên Vật lý trị liệu và đảm bảo cho người dân được tiếp cận với dịch vụ; lựa chọn các mô hình chăm sóc sức khỏe từ xa và phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng.
Chuẩn đầu ra chuyên ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng – Ngôn ngữ trị liệu		
9	CDR9²: Áp dụng được các kiến thức ngôn ngữ, ngữ âm tiếng Việt và chuẩn mực văn hóa Việt Nam trong việc lượng giá, tái lượng giá, phân tích, can thiệp tình trạng liên quan đến chức năng giao tiếp - ngôn ngữ - lời nói - nghe và nuốt, thiết lập mục tiêu, dựa trên lý luận lâm sàng và bằng chứng tốt nhất hiện có. Vận dụng được kiến thức giáo dục người bệnh, người chăm sóc, cộng đồng nhằm đạt được mục đích của họ.	Tiêu chí 1: Thể hiện được sự hiểu biết về sự phát triển giao tiếp, ngôn ngữ, lời nói và sử dụng tiếng Việt ở các lứa tuổi khác nhau. Tiêu chí 2: Thực hiện tốt việc lựa chọn, thực hiện kỹ năng lượng giá và tái lượng giá phù hợp dựa trên việc sử dụng các công cụ đo lường chuẩn hóa và chưa chuẩn hóa phù hợp với bối cảnh Việt Nam. Tiêu chí 3: Sử dụng được lý luận lâm sàng để giải thích các kết quả lượng giá và xây dựng kế hoạch can thiệp. Tiêu chí 4: Thực hiện được việc lập kế hoạch và lựa chọn can thiệp Ngôn ngữ trị liệu hiệu quả ở các cơ sở y tế và tại cộng đồng. Tiêu chí 5: Sử dụng được bằng chứng khoa học tốt nhất hiện có để hỗ trợ can thiệp. Tiêu chí 6: Thực hiện can thiệp phù hợp cho các độ tuổi và các tình trạng sức khỏe.

		Tiêu chí 7: Đảm bảo cho người bệnh, gia đình người bệnh hiểu được tình trạng bệnh và các phương án điều trị và chủ động tham gia vào việc đặt ra mục tiêu trị liệu; thu hút người bệnh vào việc tự quản lý; sử dụng liệu pháp nhóm khi thích hợp. Tiêu chí 8: Thực hiện được công tác giáo dục sức khỏe, chuyển giao kiến thức kỹ năng cho người chăm sóc tham gia vào hoạt động chăm sóc sức khỏe người bệnh. Tiêu chí 9: Thực hiện được công tác giáo dục sức khỏe cộng đồng: phát hiện sớm các khuyết tật, giáo dục sức khỏe, thúc đẩy cải thiện tiếp cận với các dịch vụ Ngôn ngữ trị liệu tại cộng đồng.
10	CĐR10²: Thực hiện được phương pháp quản lý lấy người bệnh làm trung tâm để tăng cường sự tham gia của người bệnh và tối ưu hóa chất lượng cuộc sống. Làm việc hợp tác đa ngành áp dụng khung phân loại quốc tế về khuyết tật, chức năng và sức khỏe (ICF) trong các môi trường khác nhau. Đưa ra quyết định vì lợi ích tốt nhất của người bệnh, đặt nhu cầu của người bệnh lên trên nhu cầu của cán bộ y tế.	Tiêu chí 1: Thực hiện được phương pháp quản lý lấy người bệnh làm trung tâm. Tiêu chí 2: Tạo điều kiện để gia đình và những thành viên khác có liên quan tham gia vào quá trình lập kế hoạch lượng giá và can thiệp. Tiêu chí 3: Thực hiện hiệu quả thiết lập mục tiêu và lập kế hoạch can thiệp Ngôn ngữ trị liệu có xem xét đến các yếu tố tâm lý của người bệnh và gia đình. Tiêu chí 4: Sử dụng cách tiếp cận lấy người bệnh làm trung tâm trong việc quản lý; hiểu và thể hiện cách tiếp cận tâm lý xã hội vào việc quản lý; tìm cách cải thiện kết quả và sự tiếp cận của người bệnh với dịch vụ y tế. Tiêu chí 5: Thực hiện được cách tiếp cận hợp tác đa ngành vào việc quản lý người bệnh và đảm bảo người bệnh được tiếp cận được với dịch vụ y tế. Tiêu chí 6: Có khả năng ra quyết định vì lợi ích tốt nhất của người bệnh và thực hiện nhiệm vụ như một người bệnh vực cho người bệnh. Tiêu chí 7: Có khả năng trau dồi kiến thức về vai trò của chuyên viên Ngôn ngữ trị liệu và đảm bảo cho công chúng được tiếp cận với dịch vụ; lựa chọn các mô hình chăm sóc sức khỏe từ xa và phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng.

- Chuẩn đầu ra ngoại ngữ:

+ Chứng chỉ Tiếng Anh tối thiểu bậc 3 - theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam hoặc tương đương.

+ Các chứng chỉ ngoại ngữ tương đương:

TT	Ngoại ngữ	Chứng chỉ đạt yêu cầu tối thiểu
1	Tiếng Anh	- B1 (CEFR) - TOEIC (4 kỹ năng): Nghe và Đọc (450 - 595), Nói (100 - 120), Viết (90 - 120) - IELTS 4.5 - 5.0 - TOEFL ITP 450 - 499 - TOEFL iBT 31 - 45 - Linguaskill/B1 Business Preliminary/B1 Preliminary (PET) 140 – 159
2	Tiếng Nhật	- JLPT cấp độ N4
3	Tiếng Đức	- Goethe-Zertifikat B1 - Deutsches Sprachdiplom (DSD) B1 - Zertifikat B1
4	Tiếng Pháp	- DELF B1 - TCF B1 (300 - 399 điểm)
5	Tiếng Nga	- TORFL cấp độ 1
6	Tiếng Trung Quốc	- HSK cấp độ 3 - TOCFL cấp độ 3
7	Tiếng Hàn Quốc	- TOPIK cấp độ 3

- Chuẩn đầu ra tin học:

Sinh viên phải có chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản phù hợp với chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

4.2. Mối liên hệ của chuẩn đầu ra và mục tiêu chương trình

Chương trình Kỹ thuật Phục hồi chức năng – Vật lý trị liệu

Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	Mục tiêu chương trình			
	MtCt1	MtCt2	MtCt3	MtCt4
CDR1	1	1	0	0
CDR 2	1	1	0	1
CDR 3	1	1	0	1

CĐR 4	0	1	0	0
CĐR 5	0	1	1	0
CĐR 6	0	1	0	1
CĐR 7	0	0	1	1
CĐR 8	1	1	0	1
CĐR 9	0	1	1	1
CĐR 10	0	1	1	1

Chương trình Kỹ thuật Phục hồi chức năng – Ngôn ngữ trị liệu

Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	Mục tiêu chương trình			
	MtCt1	MtCt2	MtCt3	MtCt4
CĐR1	1	1	0	0
CĐR 2	1	1	0	1
CĐR 3	1	1	0	1
CĐR 4	0	1	0	0
CĐR 5	0	1	1	0
CĐR 6	0	1	0	1
CĐR 7	0	0	1	1
CĐR 8	1	1	0	1
CĐR 9	0	1	1	1
CĐR 10	0	1	1	1

Diễn giải: * 0: không có liên hệ

1: có liên hệ

4.3. Đánh giá mức độ đáp ứng CĐR của chương trình đào tạo so với yêu cầu CĐR trong khung trình độ quốc gia

Chương trình Kỹ thuật Phục hồi chức năng – Vật lý trị liệu

Khung trình độ quốc gia		Chuẩn đầu ra của CTĐT
Kiến thức	Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo	1, 2, 3, 4, 5, 6

Khung trình độ quốc gia		Chuẩn đầu ra của CTĐT
	Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật	2
	Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc	2
	Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể	7
	Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn	7,8,9,10
Kỹ năng	Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp	6,7,8
	Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác	7,8
	Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi	6,7,8,9,10
	Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.	5,6,7
	Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp	5,6,7,8,9,10
	Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam	2
Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm	7,8
	Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định	6,7,9,10
	Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân	5,6, 7,8
	Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.	6,7,8,9,10

Chương trình Kỹ thuật Phục hồi chức năng – Ngôn ngữ trị liệu

Khung trình độ quốc gia		Chuẩn đầu ra của CTĐT
Kiến thức	Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo	1, 2, 3, 4, 5, 6
	Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật	2
	Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc	2
	Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể	7
	Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn	7,8,9,10
Kỹ năng	Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp	6,7,8
	Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác	7,8
	Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi	6,7,8,9,10
	Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.	5,6,7
	Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp	5,6,7,8,9,10
	Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam	2
Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm	7,8
	Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định	6,7,9,10
	Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân	5,6, 7,8

Khung trình độ quốc gia		Chuẩn đầu ra của CTĐT
	Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.	6,7,8,9,10

4.4. Đánh giá sự đáp ứng của chuẩn đầu ra đối với tầm nhìn, sứ mạng và nhu cầu của nhà sử dụng lao động

Chương trình Kỹ thuật Phục hồi chức năng – Vật lý trị liệu

Chuẩn đầu ra CTĐT	Sứ mạng, tầm nhìn	Yêu cầu của nhà sử dụng lao động
CĐR 1	✓	✓
CĐR 2	✓	✓
CĐR 3	✓	✓
CĐR 4	✓	✓
CĐR 5	✓	✓
CĐR 6	✓	✓
CĐR 7	✓	✓
CĐR 8	✓	✓
CĐR 9	✓	✓
CĐR 10	✓	✓

Chương trình Kỹ thuật Phục hồi chức năng – Ngôn ngữ trị liệu

Chuẩn đầu ra CTĐT	Sứ mạng, tầm nhìn	Yêu cầu của nhà sử dụng lao động
CĐR 1	✓	✓
CĐR 2	✓	✓
CĐR 3	✓	✓
CĐR 4	✓	✓
CĐR 5	✓	✓
CĐR 6	✓	✓
CĐR 7	✓	✓
CĐR 8	✓	✓
CĐR 9	✓	✓
CĐR 10	✓	✓

Diễn giải: ✓ - có đáp ứng

4.5. Phân cấp trình độ năng lực

Phân cấp này để áp dụng cho công tác lượng giá, đánh giá kết quả học tập (ma trận đề thi) và các hạng mục khác liên quan.

Trình độ năng lực			Mức độ chi tiết	
Mức	Diễn giải			
1	Nhớ		KT	Nêu lại nội dung kiến thức
			KN	Làm theo hướng dẫn, lập lại đơn giản
			TC	Có tiếp nhận, có biết biểu hiện thái độ là đúng/sai
2	Hiểu		KT	Nhận xét đúng sai, phù hợp nguyên lý nguyên tắc
			KN	Tự thực hiện thao tác (lập lại đúng theo hướng dẫn)
			TC	Phản hồi phù hợp trước biểu hiện đúng/sai
3	Vận dụng	3.1. Áp dụng	KT	Áp dụng nguyên lý để giải quyết vấn đề đơn giản
			KN	Thực hiện thành thạo (đúng, nhanh) kỹ thuật
			TC	Đánh giá ý nghĩa của cách hành xử, thái độ
		3.2. Phân tích, Tổng hợp	KT	Phân tích, tổng hợp kiến thức
			KN	Thực hiện thành thạo chuỗi kỹ thuật theo quy trình, và linh hoạt trong sắp xếp tổ chức thực hiện
			TC	Bắt đầu tự giác trong hành động
		3.3. Đánh giá, giải quyết vấn đề hiện hữu	KT	Dựa trên KT đã có để tạo ra sản phẩm thông tin, kiến thức mới
			KN	Thực hiện thuần thục, tự nhiên các quy trình, tự phòng tránh được lỗi phát sinh có thể
			TC	Rèn luyện thành phong cách riêng (nội tâm hóa)
		3.4. Sáng tạo		

* KT: Kiến thức, KN: Kỹ năng, TC: Năng lực tự chủ và trách nhiệm

5. Cơ hội việc làm và học tập sau tốt nghiệp

5.1. Cơ hội việc làm

- + Chuyên viên Phục hồi chức năng – Vật lý trị liệu tại các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập;
- + Nhân viên chăm sóc tại các câu lạc bộ thể thao, phòng tập luyện thể thao
- + Giảng viên tại các cơ sở đào tạo thuộc khối ngành sức khỏe;
- + Chuyên viên tại các cơ sở quản lý nhà nước về y tế.

5.2. Khả năng học tập nâng cao trình độ:

- + Thạc sĩ, Tiến sĩ KT Phục hồi chức năng – Vật lý trị liệu – Ngôn ngữ trị liệu.
- + Kỹ thuật viên chuyên khoa cấp I - Kỹ thuật Phục hồi chức năng.

6. Điều kiện tuyển sinh, quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

6.1. Điều kiện tuyển sinh

Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương đáp ứng đúng và đủ tiêu chuẩn, tiêu chí của đề án tuyển sinh mà Nhà trường ban hành. Cụ thể, trong giai đoạn hiện tại, bao gồm các phương thức: Đăng ký dự tuyển bằng phương thức xét kết quả thi tốt nghiệp THPT; xét học bạ THPT; xét thí sinh hoàn thành chương trình dự bị đại học; xét tuyển thẳng; xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT kết hợp với chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế cho 4 tổ hợp xét tuyển là B00 (Toán, Hóa học, Sinh học), B08 (Toán, Sinh học, Tiếng Anh), A00 (Toán, Vật lý, Hóa học) và D07 (Toán, Hóa học, Tiếng Anh). Học sinh có đăng ký nguyện vọng vào ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng, và đảm bảo đạt cao hơn hoặc bằng ngưỡng điểm trúng tuyển vào ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng của Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng. Các trường hợp đặc cách (tuyển thẳng, hoàn thành chương trình dự bị đại học) được thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và được phê duyệt theo quyết định của Hiệu trưởng.

6.2. Quá trình đào tạo

Thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học.

Cụ thể là theo Quyết định số 252/QĐ-ĐHKTYDDN ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng.

6.3. Điều kiện tốt nghiệp

1. Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra của CTĐT;
- b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
- c) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

2. Những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp được Hiệu trưởng ra quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp trong thời hạn 03 tháng tính từ thời điểm sinh viên đáp ứng đầy đủ điều kiện tốt nghiệp và hoàn thành nghĩa vụ với Trường.

7. Phương pháp giảng dạy - học tập

Khoa/Bộ môn Phục hồi chức năng đã xây dựng và triển khai nhiều tổ hợp các phương pháp giảng dạy - học tập (gọi tắt là *Phương pháp dạy - học*) khác nhau nhằm giúp SV được trang bị tốt nền tảng kiến thức mà còn có thể áp dụng vào môi trường làm việc chuyên môn thực tế cũng như được trang bị tốt các kỹ năng mềm trong quá trình tương tác làm việc với người khác nhằm đạt được kết quả tốt cho công việc được giao và phát triển năng lực bản thân.

Các tổ hợp phương pháp dạy - học đã được sử dụng trong chương trình đào tạo theo Bảng ma trận mô tả sự đóng góp của các phương pháp dạy-học vào chuẩn đầu ra chương trình:

Ma trận mô tả sự đóng góp vào xây dựng hình thành các phương pháp dạy-học vào chuẩn đầu ra chương trình Kỹ thuật Phục hồi chức năng – Vật lý trị liệu

Phương pháp dạy học	Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo (PLO)									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1. Dạy trực tiếp										
1.1. Giải thích cụ thể	1	1	1	1	0	1	1	1	1	1
1.2. Thuyết giảng	1	0	1	1	0	1	1	1	1	1
1.3. Tham luận	0	1	0	0	0	1	0	0	1	0
2. Dạy gián tiếp										
2.1. Câu hỏi gợi mở	1	1	1	0	1	1	0	0	1	0
2.2. Nghiên cứu tình huống case study	0	0	0	0	0	1	1	1	1	1
3. Dạy học qua trải nghiệm										
3.1. Dạy học bằng mô hình	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0
3.2. Thực hành phòng lab	0	1	0	0	1	1	1	1	1	1
3.3. Thực tập, thực tế bệnh viện	0	1	0	0	1	1	1	1	1	1
3.4. Ngoại khóa	1	1	0	0	1	0	0	0	0	0
4. Dạy học tương tác										
4.1. Học nhóm	1	1	1	1	1	1	0	0	1	0
4.2. Thuyết trình, thảo luận, tranh luận	0	1	1	1	1	1	1	1	1	1
5. Tự học										
5.1. Bài tập về nhà	1	0	1	1	0	1	1	1	1	1
5.2. Học trực tuyến E-learning	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0

Ma trận mô tả sự đóng góp vào xây dựng hình thành các phương pháp dạy-học vào chuẩn đầu ra chương trình Kỹ thuật Phục hồi chức năng - Ngôn ngữ trị liệu

Phương pháp dạy học	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1. Dạy trực tiếp										
1.4. Giải thích cụ thể	1	1	1	1	0	1	1	1	1	1
1.5. Thuyết giảng	1	0	1	1	0	1	1	1	1	1
1.6. Tham luận	0	1	0	0	0	1	0	0	1	1
2. Dạy gián tiếp										
2.1. Câu hỏi gợi mở	1	1	1	0	1	1	0	0	1	1
2.2. Nghiên cứu tình huống case study	0	0	0	0	0	1	1	1	1	1
3. Dạy học qua trải nghiệm										
3.1. Dạy học bằng mô hình	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0
3.2. Thực hành phòng lab	0	1	0	0	1	1	1	1	1	1
3.3. Thực tập, thực tế bệnh viện	0	1	0	0	1	1	1	1	1	1

Phương pháp dạy học	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
3.4. Ngoại khóa	1	1	0	0	1	0	0	0	0	0
4. Dạy học tương tác										
4.1. Học nhóm	1	1	1	1	1	1	0	0	1	1
4.2. Thuyết trình, thảo luận, tranh luận	0	1	1	1	1	1	1	1	1	1
5. Tự học										
5.1. Bài tập về nhà	1	0	1	1	0	1	1	1	1	1
5.2. Học trực tuyến E-learning	0	0	0	1	0	0	0	0	1	0

Diễn giải: * 0: không có đóng góp

1: có đóng góp

8. Phương thức đánh giá học tập

Đánh giá kết quả học tập là một khâu quan trọng trong quá trình dạy – học. Mục đích là đánh giá sự tiến bộ của SV trong quá trình học tập để có biện pháp kịp thời điều chỉnh trong quá trình dạy – học để hỗ trợ SV bị chậm tiến (đánh giá quá trình) và đánh giá SV đã hoàn thành các yêu cầu của học phần đề ra hay chưa (đánh giá cuối kỳ) để xác định SV có hoàn thành khối lượng học tập của học phần hay không và xếp loại mức độ hoàn thành của SV, làm căn cứ đánh giá mức độ hoàn thành cả khóa học.

Đánh giá phải đảm bảo các nguyên tắc rõ ràng, chính xác, khách quan, phân hóa rõ trình độ, có tính thường xuyên liên tục và được xác định kỳ hạn rõ.

8.1. Các phương pháp đánh giá

Căn cứ trên quy định của Phòng Khảo thí – Đảm bảo chất lượng giáo dục, Bộ môn Phục hồi chức năng đã thực hiện nhiều phương pháp đánh giá học tập khác nhau, phối hợp để đạt được hiệu quả tốt nhất có thể.

Có nhiều kiểu phân loại các phương pháp đánh giá trong giáo dục, tùy theo góc độ xem xét và xác định mục tiêu phân loại. (Nội dung chi tiết được trình bày trong phụ lục 4).

1. **Trắc nghiệm khách quan:** thường sử dụng phổ biến, được áp dụng cho các bài kiểm tra giữa kỳ (đánh giá quá trình) và kiểm tra cuối học phần (đánh giá kết thúc). SV được yêu cầu hoàn thành các bài kiểm tra trắc nghiệm, với các dạng câu hỏi của trắc nghiệm khách quan – objective test (đã nêu ở trên). Các học phần sử dụng phương pháp đánh giá này đều phải xây dựng ngân hàng câu hỏi, và được Hội đồng thẩm định thông qua.

2. **Bài tập nhóm, có thuyết trình/báo cáo văn bản:** đây là hình thức thường được sử dụng cho đánh giá quá trình (bài kiểm tra giữa kỳ). SV được phân công chủ đề hoặc công việc cụ thể (ví dụ: khảo sát cộng đồng, hay xét nghiệm tập hợp mẫu...). Điểm được chấm căn cứ vào kết quả bài tập, theo rubrics đã xây dựng. Kết quả bao gồm các hình thức như bài thuyết trình trước lớp (file trình bày và quá trình trình bày), hoặc bản báo cáo của nhóm (bản in hoặc bản mềm).

3. **Chấm thực hành theo bảng kiểm:** thường áp dụng cho đánh giá quá trình cho các học phần có nội dung thực hành ở lab. Các kỹ thuật thực hành được xây dựng quy chuẩn thành các bảng kiểm, thang điểm. SV thực hiện theo quá trình và GV chấm điểm từng bước. Điểm cuối cùng là điểm của cả quá trình.

4. **Kiểm tra vấn đáp:** áp dụng cho một số học phần đặc thù, đặc biệt các học phần có học lâm sàng tại cơ sở y tế. Hình thức này thường được các GV kiêm nhiệm ở bệnh viện thực hiện với SV để đánh giá mức độ đạt/chưa đạt của SV. Ngoài ra, một phần điểm (20%) của học phần Thực tế tốt nghiệp cũng được đánh giá bằng hình thức này, khi SV sau khi đi ở bệnh viện về thì sẽ được Hội đồng Khoa đánh giá kết quả thông qua xem xét báo cáo và vấn đáp các vấn đề chuyên môn.

5. **Chấm điểm cho công việc được giao:** hình thức này được áp dụng cho các học phần có học lâm sàng tại cơ sở y tế và Khóa luận tốt nghiệp. Hình thức này thường được các GV kiêm nhiệm ở bệnh viện thực hiện với SV để đánh giá mức độ đạt/chưa đạt của SV.

6. **Dự án học thuật :** đây là hình thức đánh giá có yêu cầu tổng hợp, cũng là cơ hội rèn luyện tổng hợp tốt nhất cho SV. SV phải thể hiện ở mức độ cao nhất các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm để cho ra sản phẩm sáng tạo của riêng sinh viên cũng như năng lực làm việc nhóm. Sản phẩm – luận văn tốt nghiệp được chấm bởi 1 Hội đồng theo quy định hiện hành của nhà trường.)

Bảng ma trận mô tả sự đóng góp phương pháp lượng giá vào chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Phương pháp lượng giá	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đánh giá chuyên cần	1	0	0	0	0	0	0	0	1	1
Trắc nghiệm khách quan	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
Kiểm tra viết/tự luận	1	1	1	1	0	1	0	0	1	1
Bài tập nhóm, có thuyết trình/báo cáo văn bản	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
Chấm thực hành theo bảng kiểm	0	1	0	0	0	1	1	1	1	1
Kiểm tra vấn đáp	0	1	0	1	0	1	1	1	1	1
Chấm điểm cho công việc được giao	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
Khóa luận tốt nghiệp/chuyên đề tốt nghiệp	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1

Diễn giải: * 0: không có đóng góp

1: có đóng góp

8.2. Cách tính điểm đánh giá học tập

8.2.1. Đối với học phần chỉ có lý thuyết

a) Điểm học phần là tổng điểm của điểm chuyên cần, thái độ (CCTĐ), điểm kiểm tra thường xuyên (KTTX) và điểm thi kết thúc học phần (KTHP) nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần được tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

b) Công thức tính điểm học phần đối với học phần chỉ có lý thuyết

Điểm học phần = Điểm CCTĐ x 10% + Điểm KTTX x 40% + Điểm thi KTHP x 50%.

Trong đó:

- Điểm CCTĐ là 1 cột điểm duy nhất với cách thức đánh giá được quy định tại Điều 5 của QĐ18-ĐHKTYĐĐN ngày 05/1/2024.

- Điểm KTTX bằng trung bình cộng các bài kiểm tra thường xuyên. Số lượng bài kiểm tra thường xuyên bằng số tín chỉ (01 tín chỉ có 01 bài kiểm tra).

- Điểm thi KTHP có thể là điểm thi của 01 bài tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm, viết tiểu luận, chuyên đề hoặc kết hợp giữa các hình thức trên.

- Người học phải đạt điểm học phần ≥ 4.0 và điểm thi KTHP ≥ 2.0 (theo thang điểm 10) mới được công nhận Đạt học phần đó.

8.2.2. Đối với học phần có cả lý thuyết và thực hành

Điểm học phần là tổng điểm của điểm chuyên cần, thái độ (CCTĐ), điểm kiểm tra thường xuyên (KTTX) và điểm thi kết thúc học phần (KTHP) nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần được tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

8.2.2.1. Học phần có lý thuyết + thực hành tại Trường

Điểm học phần = Điểm CCTĐ x 10% + Điểm KTTX phần lý thuyết x 20% + Điểm KTTX phần thực hành x 40% + Điểm thi KTHP phần lý thuyết x 30%.

8.2.2.2. Học phần có cả lý thuyết + thực tập tại bệnh viện

Điểm học phần = Điểm CCTĐ x 10% + Điểm KTTX phần lý thuyết x 20% + Điểm KTTX phần thực tập x 40% + Điểm thi KTHP phần lý thuyết x 30%.

8.2.2.3. Học phần có cả lý thuyết + thực hành tại trường + thực tập tại bệnh viện

Điểm học phần = Điểm CCTĐ x 10% + Điểm KTTX phần lý thuyết x 20% + [(Điểm KTTX phần thực hành + Điểm KTTX phần thực tập x 2)/3] x 40% + Điểm thi KTHP phần lý thuyết x 30%.

Trong đó, các khái niệm tại mục 8.2.2.1, 8.2.2.2, 8.2.2.3 được giải thích như sau:

- Điểm CCTĐ là 01 cột điểm duy nhất với cách thức đánh giá được quy định tại Điều 5 của QĐ18-ĐHKTYĐĐN ngày 05/1/2024.

- Điểm KTTX phần lý thuyết bằng trung bình cộng các bài kiểm tra lý thuyết. Số lượng bài kiểm tra thường xuyên bằng số tín chỉ (01 tín chỉ có 01 bài kiểm tra).

- Điểm KTTX phần thực hành tại Trường hoặc thực tập tại bệnh viện. Một tín chỉ thực hành tại Trường có ít nhất 01 bài kiểm tra thường xuyên. Phần thực tập tại bệnh viện có ít nhất 01 bài kiểm tra thường xuyên.

- Người học phải tham gia đầy đủ các buổi thực hành, thực tập và điểm trung bình cộng các bài thực hành, thực tập phải đạt từ 5.0 điểm trở lên mới được thi KTHP lý thuyết.

- Điểm thi KTHP có thể là điểm thi của 01 bài tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm, viết tiểu luận, chuyên đề hoặc kết hợp giữa các hình thức trên.

- Người học phải đạt điểm học phần ≥ 4.0 và điểm thi KTHP ≥ 2.0 (theo thang điểm 10) mới được công nhận Đạt học phần đó.

8.2.3. Đối với học phần chỉ có thực hành tại trường

a) Điểm học phần là tổng điểm của điểm chuyên cần, thái độ (CCTĐ), điểm kiểm tra thường xuyên (KTTX) và điểm thi kết thúc học phần (KTHP) nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần được tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

b) Công thức tính điểm học phần:

Điểm học phần = Điểm CCTĐ x 10% + Điểm KTTX x 40% + Điểm thi KTHP x 50%.

Trong đó:

- Điểm chuyên cần, thái độ là 01 cột điểm duy nhất do giảng viên tham gia giảng dạy học phần đánh giá dựa vào ý thức học tập chuyên cần và thái độ của người học trong suốt thời gian học học phần đó. Phương pháp đánh giá chuyên cần, thái độ phải được thể hiện rõ trong đề cương chi tiết học phần bản mô tả học phần và được hiệu trưởng phê duyệt.

- Điểm KTTX thực hành tại Trường bằng trung bình cộng các bài kiểm tra thực hành. Một tín chỉ thực hành tại trường có ít nhất 01 bài kiểm tra thường xuyên. Người học phải tham gia đầy đủ các buổi thực hành và điểm trung bình cộng các bài kiểm tra thực hành phải đạt từ 5.0 điểm trở lên mới được thi kết thúc học phần thực hành.

- Điểm thi KTHP là điểm thi thực hành. Hình thức thi KTHP thực hành tại Trường được thực hiện theo Phụ lục 1 của QĐ18-ĐHKTYDDN ngày 05/1/2024. Người học phải đạt điểm thi KTHP ≥ 5.0 (theo thang điểm 10) mới được công nhận Đạt học phần đó.

8.2.4. Đối với học phần chỉ có thực tập tại bệnh viện/thực tập cộng đồng

a) Điểm học phần là tổng điểm của điểm chuyên cần, thái độ (CCTĐ) và điểm thi kết thúc học phần (KTHP) nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần được tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

b) Công thức tính điểm học phần:

Điểm học phần = Điểm CCTĐ x 10% + Điểm thi KTHP thực tập x 90%.

Trong đó:

- Điểm chuyên cần, thái độ là 01 cột điểm duy nhất do giảng viên tham gia giảng dạy học phần đánh giá dựa vào ý thức học tập chuyên cần và thái độ của người học trong suốt thời gian học học phần đó. Phương pháp đánh giá chuyên cần, thái độ phải được thể hiện rõ trong đề cương chi tiết học phần bản mô tả học phần và được hiệu trưởng phê duyệt.

- Điểm thi KTHP thực tập là điểm thi lâm sàng. Hình thức thi KTHP được thực hiện theo Phụ lục 1 của QĐ18-ĐHKTYDDN ngày 05/1/2024. Người học phải đạt điểm thi KTHP ≥ 5.0 (theo thang điểm 10) mới được công nhận Đạt học phần đó.

**Lưu ý đối với 8.2.2, 8.2.3 và 8.2.4:*

Nếu người học vắng mặt ít nhất 01 bài/buổi thực hành/thực tập mà không có lý do chính đáng thì phải nhận điểm F ở học phần đó. Trường hợp có lý do chính đáng, giảng viên xem xét quyết định cho người học được học bù bài học thực hành/thực tập và bố trí học cùng với các đối tượng khác có nội dung học thực hành/thực tập trùng với nội dung thực hành/thực tập mà người học vắng mặt. Trường hợp không có lớp thực hành tại Trường có nội dung phù hợp, khoa/bộ môn xem xét bố trí cho người học được học bù bài thực hành và người học phải tự túc kinh phí mua mẫu vật, phương tiện phục vụ để làm lại bài thực hành. Đối với thực tập tại bệnh viện/thực tập cộng đồng, trong trường hợp không có điều kiện phù hợp để thực tập bù, người học phải đợi để thực tập bù trong đợt thực tập kế tiếp theo kế hoạch dạy học của Nhà trường.

- Các công thức tại mục 8.2.2, 8.2.3 và 8.2.4 được vận dụng để đánh giá đối với học phần thực tế tốt nghiệp tùy thuộc vào đặc thù của các chương trình đào tạo.

II. CẤU TRÚC CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Cấu trúc kiến thức toàn khóa

1.1. Khối lượng kiến thức tối thiểu và thời gian đào tạo

- Khối lượng kiến thức tối thiểu: 135 tín chỉ (TC), chưa kể phần nội dung về Giáo dục thể chất (3 TC) và Giáo dục Quốc phòng – An ninh (8 TC).

- Thời gian đào tạo: 4 năm

1.2. Phân bố khối lượng học tập các khối kiến thức

TT	Khối lượng học tập	TC
1	Kiến thức giáo dục đại cương tối thiểu (chưa kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – an ninh), trong đó:	
	- Các môn chung	17
	- Các môn cơ sở khối ngành	14
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu, trong đó:	
	- Kiến thức cơ sở ngành	18
	- Kiến thức ngành (kể cả kiến thức chuyên ngành)	44
	- Kiến thức bổ trợ (Tự chọn)	35
	- Dự án học thuật	2
	- Học phần tốt nghiệp	5
Tổng cộng		135

kỳ theo quy định, Bộ môn Phục hồi chức năng phối hợp với các phòng, ban, đơn vị chức năng, và các Khoa, Bộ môn liên quan tiến hành tổ chức tự đánh giá chương trình đào tạo để cải tiến, theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng.

2. Thực hành tại trường, thực tập bệnh viện, thực tập tại cộng đồng

2.1. Thực tập tại trường

Tổ chức cho sinh viên thực tập tại các phòng thực tập của Khoa. Sinh viên được thực tập theo tổ, mỗi tổ khoảng 20-25 SV đối với thực tập các học phần không chuyên ngành và 15-20 SV đối với thực tập các học phần chuyên ngành. Việc thực tập được sắp xếp phù hợp với nội dung của từng học phần, được Nhà trường/Khoa/Bộ môn kiểm tra, giám sát trong quá trình giảng dạy để đảm bảo mục tiêu và chất lượng đào tạo.

2.2. Thực hành lâm sàng

Sinh viên được thực hành tại khoa Phục hồi chức năng bệnh viện dưới sự quản lý, hướng dẫn và đánh giá của cán bộ giảng viên Nhà trường và các giảng viên thỉnh giảng tại các cơ sở y tế được công nhận là cơ sở thực hành của Nhà trường.

2.3. Thực tập cộng đồng

Sinh viên được thực tập tại các trạm y tế dưới sự quản lý, hướng dẫn và đánh giá của cán bộ giảng viên Nhà trường.

3. Học phần tốt nghiệp

Đối tượng: Những SV đã hoàn thành khối lượng học tập theo quy định.

Thời gian thực hiện: Theo quy định, lịch trình của nhà trường và của Khoa/Bộ môn quản lý CTĐT.

Nội dung và hình thức thực hiện: đăng ký các học phần tốt nghiệp trong chương trình đào tạo. SV tham gia học, hoàn thành các điều kiện yêu cầu của học phần, được đánh giá hoàn thành khối lượng các học phần đã đăng ký thì được Nhà trường xét công nhận tốt nghiệp.

V. ĐÁNH GIÁ, CẬP NHẬT, CẢI TIẾN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Cập nhật chương trình đào tạo

Định kỳ 2 – 2,5 năm, Trường Khoa /Bộ môn Phục hồi chức năng tổ chức phối hợp phòng Đào tạo, phòng ĐBCLGD và các Khoa, Bộ môn liên quan cập nhật chương trình đào tạo theo Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học và các quy định hiện hành của Trường ĐH KT Y – Dược Đà Nẵng. Chương trình đào tạo cập nhật, bổ sung được thông qua Hội đồng Khoa học – Đào tạo của nhà trường. Hiệu trưởng nhà trường căn cứ trên kết quả cuộc họp, ra quyết định ban hành chương trình đào tạo được cập nhật, bổ sung.

2. Đánh giá, cải tiến chương trình đào tạo

Định kỳ 5 năm, Trường Khoa/Bộ môn Phục hồi chức năng phối hợp với các phòng, ban, đơn vị chức năng, và các Khoa, Bộ môn liên quan tiến hành tổ chức tự đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo theo Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục

Phụ lục kèm theo quyết định số 354/QĐ-ĐHKTYĐĐN _chương trình chung

và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học và các quy định hiện hành của Trường ĐH KT Y – Dược Đà Nẵng. Báo cáo tự đánh giá CTĐT và bản CTĐT đề xuất cải tiến được thông qua Hội đồng Khoa học – Đào tạo của nhà trường. Hiệu trưởng nhà trường căn cứ trên kết quả cuộc họp, phê duyệt báo cáo tự đánh giá CTĐT và ra quyết định ban hành chương trình đào tạo được cải tiến sau tự đánh giá.

HIỆU TRƯỞNG

(ký, đóng dấu)